

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG ĐƯỢC CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2021
LƯU VỰC NHÀ MÁY NƯỚC THỊ TRẤN MUỜNG CHÀ
THỊ TRẤN MUỜNG CHÀ, HUYỆN MUỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

TT	Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Vị trí khu rừng				Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Hệ số k	Trong đó				Diện tích được chi trả tiền DVMTR (ha)
		Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Tên địa phương (nếu có)			k1	k2	k3	k4	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8=9x10x11x12]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13=8x7]
A	DIỆN TÍCH RỪNG ĐÃ GIAO											
I	Tên cộng đồng dân cư: (2 cộng đồng)					77,53						77,530
1	Tổ Dân Phố 2	y1	3	660b		0,34	1			1		0,340
		m1	3	660b		0,68	1			1		0,680
		b1	3	660b		1,20	1			1		1,200
		q1	3	660b		-	1			1		-
		x1	3	660b		2,07	1			1		2,070
		s1	3	660b		2,15	1			1		2,150
		c1	3	660b		2,65	1			1		2,650
		x	3	660b		1,15	1			1		1,150
		h1	3	660b		9,75	1			1		9,750
		o1	3	660b		6,38	1			1		6,380
		d1	3	660b		2,53	1			1		2,530
	Cộng					28,90						28,900



Handwritten signature

TT	Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Vị trí khu rừng				Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Hệ số k	Trong đó				Diện tích được chi trả tiền DVMTR (ha)
		Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Tên địa phương (nếu có)			k1	k2	k3	k4	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8=9x10x11x12]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13=8x7]
2	Tổ Dân Phố 12	v1	1	660b		0,06	1			1		0,060
		y	1	660b		0,48	1			1		0,480
		g	1	660b		0,52	1			1		0,520
		v	1	660b		1,28	1			1		1,280
		o1	1	660b		2,69	1			1		2,690
		s1	1	660b		3,44	1			1		3,440
		h	1	660b		8,95	1			1		8,950
		q1	1	660b		3,69	1			1		3,690
		m	1	660b		2,36	1			1		2,360
		l	1	660b		16,99	1			1		16,990
		m1	1	660b		3,11	1			1		3,110
		m	3	660b		0,08	1			1		0,080
		u	3	660b		0,41	1			1		0,410
		n	3	660b		0,15	1			1		0,150
		p	3	660b		2,23	1			1		2,230
		r	3	660b		2,19	1			1		2,190
	Cộng					48,63						48,630

TT	Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Vị trí khu rừng				Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Hệ số k	Trong đó				Diện tích được chi trả tiền DVMTR (ha)
		Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Tên địa phương (nếu có)			k1	k2	k3	k4	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8=9x10x11x12]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13=8x7]
II	Ủy ban nhân dân thị trấn					8,54						8,540
1	UBND thị trấn Mường Chà	25	1	660B		1,01	1			1		1,010
		22	1	660B		0,95	1			1		0,950
		28	1	660B		2,38	1			1		2,380
		25.2	3	660B		0,49	1			1		0,490
		6	3	660B		0,65	1			1		0,650
		18.2	3	660B		1,64	1			1		1,640
		19.2	3	660B		1,42	1			1		1,420
						8,54						8,540
Tổng A						86,07						86,070

3

18/04/2024

TT	Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Vị trí khu rừng				Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Hệ số k	Trong đó				Diện tích được chi trả tiền DVMTR (ha)
		Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Tên địa phương (nếu có)			k1	k2	k3	k4	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8=9x10x11x12]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13=8x7]
B	DIỆN TÍCH RỪNG CHƯA GIAO											
		22	3	660B		1,41	1			1		1,410
		18a	3	660B		2,07	1			1		2,070
Tổng B						3,48						3,480
Tổng (A+B)						89,55						89,550

Điện Biên, Ngày 21 tháng 01 năm 2022

**HẠT KIỂM LÂM
HUYỆN MUỜNG CHÀ**

PHÓ HẠT TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Tuyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN MUỜNG CHÀ**

CHỦ TỊCH



Khoảng Văn Lâm

**QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Xuân Lâm